

ĐIỂM MÔN HỌC: Giáo dục

STT	MS	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM KIỂM TRA				ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI		Điểm môn học	GHI CHÚ
					HỆ SỐ 1		HỆ SỐ 2			Kết thúc môn học			
					1	2	1	2		LẦN 1	LẦN 2		
1	TCYS24E301	Mai Hữu Phước	01/01/1997										
2	TCYS24E302	Trần Hà Thuận	18/08/2006		8	9	8.7	75				80	
3	TCYS24E303	Đinh Huỳnh Như Ngọc	08/11/2009		6	7	6.7	70				69	
4	TCYS24E304	Huỳnh Tấn Đạt	01/04/1995										
5	TCYS24E305	Trương Thị Mỹ Đức	12/12/2006		6	7	6.7	80				75	
6	TCYS24E306	Mỹ Văn Mạnh	22/11/1999		6	7	6.7	85				78	
7	TCYS24E307	Trần Đức Dũng	06/03/2006		8	8	8.0	85				83	
8	TCYS24E308	Lê Thị Doanh	20/09/1996		8	8	8.0	90				86	
9	TCYS24E309	Nguyễn Bạch Minh Tùng	22/04/1999		8	7	7.8	80				77	
10	TCYS24E310	Nguyễn Quốc Thái	09/06/1996										
11		Trần Thị Phuong Lai	25/07/1995										
12		Nguyễn Anh Nhật	16/08/1997		6	7	6.7						
13		Nguyễn Thị Khánh Ly	12/02/1995		7	8	7.7	70				73	
14													
15													
16													
17													
18													
19													
20													

Tổng số học sinh
phải thi lại:

Cần Thơ, ngày ..06.. tháng ..10.. năm 2024.

Giáo viên giảng dạy


Phan Đình Khoa

ĐIỂM MÔN HỌC: TIN HỌC

ĐỀM MÔN HỌC: LN 100														
STT	MS	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM KIỂM TRA				ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI		Điểm môn học	GHI CHÚ
						HỆ SỐ 1		HỆ SỐ 2			Kết thúc môn học			
						1	2	1	2		LẦN 1	LẦN 2		
1	TCYS24E301	Mai Hữu	Phước	01/01//1997										
2	TCYS24E302	Trần Hà	Thuận	18/08/2006		8			8	80	90		86	
3	TCYS24E303	Đinh Huỳnh Như	Ngọc	08/11/2009		9			8,5	87	74		79	
4	TCYS24E304	Nguyễn Thị Khánh Ly		12/09/1985		8,5			9,5	92	78		84	
5	TCYS24E305	Trương Thị Mỹ	Đức	12/12/2006		9,5			8,5	88	80		83	
6	TCYS24E306	Mỹ Văn	Mạnh	22/11/1999		8			8,5	83	88		86	
7	TCYS24E307	Trần Đức	Dũng	06/03/2006		8,5			8,5	85	85		85	
8	TCYS24E308	Lê Thị	Doanh	20/09/1998		8,5			8	82	90		87	
9	TCYS24E309	Nguyễn Bạch Minh	Tùng	22/04/1999		9			8	83	90		87	
10	TCYS24E310	Nguyễn Quốc	Thái	09/06/1996										
11	TCYS24E311	Nguyễn Quốc	Đạt	22/12/2000										
12	TCYS24E312	Trần Nhật	Khang	01/01/2000										
13	TCYS24E313	Trần Thanh	Nhã	25/08/2004										
14	TCYS24E314	Nguyễn Thành	Sang	12/05/2005		7			8	77	-		-	4
15	TCYS24E315	Nguyễn Đức	Duy	02/09/2001										
16	TCYS24E316	Đào Hoàng	Giang	09/02/1991										
17	TCYS24E317	Lê Kiều	Ni	01/01/1986										
18	TCYS24E318	Nguyễn Thị Anh	Đào	08/07/1990										
19	TCYS24E319	Hồ Lê Minh	Khôi	21/12/2006										
20	TCYS24E320	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/04/1989										

Tổng số học sinh
phải thi : 20

Cần Thơ, ngày 24 tháng 11 năm 2024

Giáo viên giảng dạy


Nguyễn Văn An

ĐIỂM MÔN HỌC: GIẢNG DẠY THỂ CHẤT

STT	MS	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM KIỂM TRA				ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI		Điểm môn học	GHI CHÚ
					HỆ SỐ 1		HỆ SỐ 2			Kết thúc môn học			
					1	2	1	2		LẦN 1	LẦN 2		
1	TCYS24E301	Mai Hữu Phước	01/01/1997	N	9		7		7,7	9		8,5	
2	TCYS24E302	Trần Hà Thuận	18/08/2006		9		7		7,7	9		8,5	
3	TCYS24E303	Đinh Huỳnh Như Ngọc	08/11/2009		9		8		8,3	7		7,5	
4	TCYS24E304	Huỳnh Tấn Đạt	01/04/1995										
5	TCYS24E305	Trương Thị Mỹ Đức	12/12/2006		6		7		6,7	8		7,5	
6	TCYS24E306	Mỹ Văn Mạnh	22/11/1999		9		9		9,0	7		7,8	
7	TCYS24E307	Trần Đức Dũng	06/03/2006		5		8		7,0	8		7,6	
8	TCYS24E308	Lê Thị Doanh	20/09/1998		7		9		8,3	9		8,7	
9	TCYS24E309	Nguyễn Bạch Minh Tùng	22/04/1999		8		6		6,7	8		7,5	
10	TCYS24E310	Nguyễn Quốc Thái	09/06/1996										
11	TCYS24E3111	Trần Nhật Khang	01/01/2000										
12	TCYS23E3112	Nguyễn Quốc Đạt.	22/12/2000										
13	TCYS24E3113	Trần Đức Dũng	06/03/2006										
14		Nguyễn Thị Chánh Ly	12/09/1985		6		8		7,3	8		7,7	
15													
16													
17													
18													
19													
20													

Tổng số học sinh
phải thi lại: .../...

Cần Thơ, ngày 01 tháng 03 năm 2025

Giáo viên giảng dạy



Hồ Thanh Nghị

ĐIỂM MÔN HỌC: Pháp luật

ĐIỂM MÔN HỌC: <u>Điểm đạt</u>														
STT	MS	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM KIỂM TRA				ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI		Điểm môn học	GHI CHÚ	
					HỆ SỐ 1		HỆ SỐ 2			Kết thúc môn học	LẦN 1			LẦN 2
					1	2	1	2						
1	TCYS24E301	Mai Hữu Phước	01/01/1997		8	9			8.7	80		83		
2	TCYS24E302	Trần Hà Thuận	18/08/2006		9	9			9.0	80		84		
3	TCYS24E303	Đinh Huỳnh Như Ngọc	08/11/2009		7	7			7.0	85		79		
4	TCYS24E304	Huỳnh Tấn Đạt	01/04/1993											
5	TCYS24E305	Trương Thị Mỹ Đức	12/12/2006		7	7			7.0	80		76		
6	TCYS24E306	Mỹ Văn Mạnh	22/11/1999		7	7			7.0	80		76		
7	TCYS24E307	Trần Đức Dũng	06/05/2006		8	9			8.7	80		83		
8	TCYS24E308	Lê Thị Doanh	20/09/1998		8	8			8.0	95		89		
9	TCYS24E309	Nguyễn Bạch Minh Tung	22/04/1999		7	7			7.0	80		76		
10	TCYS24E310	Nguyễn Quốc Thái	09/06/1996											
11		~~Nguyễn Anh Nhật~~	~~06/05/1997~~		~~7~~	~~7~~			~~7.0~~					
12		Nguyễn Thị Khánh Ly	12/09/1995		8	8			8.0	70		74		
13														
14														
15														
16														
17														
18														
19														
20														

Tổng số học sinh
phải thi lại: 1

Cần Thơ, ngày 12 tháng 10 năm 2024

Giáo viên giảng dạy

Phan Đình Hòa

ĐIỂM MÔN HỌC: GROUP- AN

ĐIỂM MÔN HỌC: TCY24E301 TCY24E302 TCY24E303 TCY24E304 TCY24E305 TCY24E306 TCY24E307 TCY24E308 TCY24E309 TCY24E310 TCY24E311 TCY24E312 TCY24E313 TCY24E314 TCY24E315 TCY24E316 TCY24E317 TCY24E318 TCY24E319 TCY24E320													
STT	MS	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM KIỂM TRA				ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI Kết thúc môn học		Điểm môn học	GHI CHÚ
					HỆ SỐ 1		HỆ SỐ 2			LẦN 1	LẦN 2		
					1	2	1	2					
1	TCYS24E301	Mai Hữu Phước	01/01/1997										
2	TCYS24E302	Trần Hà Thuận	18/08/2000		8	9			8.7	8.5		86	
3	TCYS24E303	Đinh Huỳnh Như Ngọc	08/11/2000		6	7			6.7	8.0		7.5	
4	TCYS24E304	Huỳnh Tấn Đạt	01/04/1995										
5	TCYS24E305	Trương Thị Mỹ Đức	12/12/2006		6	7			6.7	8.5		7.8	
6	TCYS24E306	Mỹ Văn Mạnh	22/11/1999		6	7			6.7	9.0		8.1	
7	TCYS24E307	Trần Đức Dũng	06/03/2006		7	8			7.7	8.5		8.2	
8	TCYS24E308	Lê Thị Doanh	20/09/1998		7	8			7.7	9.5		8.8	
9	TCYS24E309	Nguyễn Bạch Minh Tung	22/04/1999		6	7			6.7	9.0		8.1	
10	TCYS24E310	Nguyễn Quốc Thái	09/06/1996										
11		Ngã Anh Nhật	01/01/1997										
12		Ngã Thị Khánh Ly	12/02/1985		7	8			7.7	8.0		7.9	
13													
14													
15													
16													
17													
18													
19													
20													

Tổng số học sinh
phải thi lại

Cần Thơ, ngày 10 tháng 11 năm 2024

Giáo viên giảng dạy



Phan Đức Hòa

ĐIỂM MÔN HỌC: Ngôn ngữ

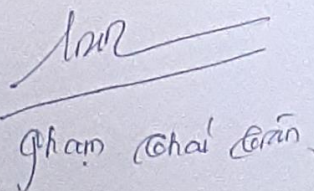
STT	MS	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM KIỂM TRA				ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI		Điểm môn học	GHI CHÚ
					HỆ SỐ 1		HỆ SỐ 2			Kết thúc môn học			
					1	2	1	2		LẦN 1	LẦN 2		
1	TCYS24E301	Mai Hữu Phước	01/01/1997	Nam									
2	TCYS24E302	Trần Hà Thuận	18/08/2006	Nam	9,5	70			78	70		73	
3	TCYS24E303	Đinh Huỳnh Như Ngọc	08/11/2009	Nữ	8,5	8,5			85	70		76	
4	TCYS24E304	Nguyễn Thị Khánh Ly	12/09/1985	Nữ	9,0	9,5			93	80		85	
5	TCYS24E305	Trương Thị Mỹ Đức	12/12/2006	Nữ	9,5	9,5			95	65		77	
6	TCYS24E306	Mỹ Văn Mạnh	22/11/1999	Nam	9,5	9,5			95	70		80	
7	TCYS24E307	Trần Đức Dũng	06/03/2006	Nam	8,0	8,0			80	65		71	
8	TCYS24E308	Lê Thị Doanh	20/09/1998	Nữ	9,0	8,5			87	80		83	
9	TCYS24E309	Nguyễn Bạch Minh Tùng	22/04/1999	Nam	9,0	9,0			90	80		84	
10	TCYS24E310	Nguyễn Quốc Thái	09/06/1996	Nam									
11	TCYS24E311	Nguyễn Quốc Đạt	22/12/2000	Nam									
12	TCYS24E312	Trần Nhật Khang	01/01/2000	Nam									
13	TCYS24E313	Trần Thanh Nhã	25/08/2004	Nữ									
14	TCYS24E314	Nguyễn Thành Sang	12/05/2005	Nam	5,0	5,0			50	/		/	L2
15	TCYS24E315	Nguyễn Đức Duy	02/09/2001	Nam									
16	TCYS24E316	Đào Hoàng Giang	09/02/1991	Nam									
17	TCYS24E317	Lê Kiều Ni	01/01/1986	Nam									
18	TCYS24E318	Nguyễn Thị Anh Đào	08/07/1990	Nữ	7,5	5,5			62	50		5,5	
19	TCYS24E319	Hồ Lê Minh Khôi	21/12/2006	Nam									
20	TCYS24E320	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/04/1989	Nữ	5,5	10,0			85	/		/	L2
21	TCYS24E321	Phạm Thị Mỹ Tiêm	17/04/1985	Nữ									
22	TCYS24E322	Châu Thị Ngọc Thịnh	06/08/1999	Nữ									
		Mai Hữu Phước			5,5	10,0							

Tổng số học sinh phải thi lại: 02

Cần Thơ, ngày 10 tháng 3 năm 2025

Giáo viên giảng dạy

(Ký và ghi rõ họ tên)


Phan Thái Liên

ĐIỂM MÔN HỌC: Vĩ Sinh - Kỹ Sinh Trùng

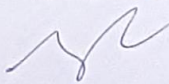
STT	MS	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM KIỂM TRA				ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI		Điểm môn học	GHI CHÚ
					HỆ SỐ 1		HỆ SỐ 2			Kết thúc môn học			
					1	2	1	2		LẦN 1	LẦN 2		
1	TCYS24E301	Mai Hữu Phước	01/01/1997	Nam									
2	TCYS24E302	Trần Hà Thuận	18/08/2006	Nam	4.8	6.5			5.9	60		60	
3	TCYS24E303	Đinh Huỳnh Như Ngọc	08/11/2009	Nữ	7.6	6.5			6.9	67		68	
4	TCYS24E304	Nguyễn Thị Khánh Ly	12/09/1985	Nữ	6.2	8.5			7.7	76		76	
5	TCYS24E305	Trương Thị Mỹ Đức	12/12/2006	Nữ	8.8	6.5			7.3	68		70	
6	TCYS24E306	Mỹ Văn Mạnh	22/11/1999	Nam	4.2	6.5			5.7	62		60	
7	TCYS24E307	Trần Đức Dũng	06/03/2006	Nam	6.6	6.5			6.5	60		62	
8	TCYS24E308	Lê Thị Doanh	20/09/1998	Nữ	7.2	7.5			7.4	65		69	
9	TCYS24E309	Nguyễn Bạch Minh Tùng	22/04/1999	Nam	7.2	7.5			7.4	5.3		61	
10	TCYS24E310	Nguyễn Quốc Thái	09/06/1996	Nam									
11	TCYS24E311	Nguyễn Quốc Đạt	22/12/2000	Nam	7.8	8.5			8.3	60		69	
12	TCYS24E312	Trần Nhật Khang	01/01/2000	Nam									
13	TCYS24E313	Trần Thanh Nhã	25/08/2004	Nữ									
14	TCYS24E314	Nguyễn Thành Sang	12/05/2005	Nam	2.4	7.5			5.8	-		-	62
15	TCYS24E315	Nguyễn Đức Duy	02/09/2001	Nam									
16	TCYS24E316	Đào Hoàng Giang	09/02/1991	Nam									
17	TCYS24E317	Lê Kiều Ni	01/01/1986	Nam									
18	TCYS24E318	Nguyễn Thị Anh Đào	08/07/1990	Nữ									
19	TCYS24E319	Hồ Lê Minh Khôi	21/12/2006	Nam									
20	TCYS24E320	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/04/1989	Nữ	7.0	8.0			7.7	57		65	
21	TCYS24E321	Phạm Thị Mỹ Tiêm	17/04/1985	Nữ	7.6	5.5			6.2	60		61	
22	TCYS24E322	Châu Thị Ngọc Thịnh	06/08/1999	Nữ	7.0	7.0			7.0	7.1		71	
23	TCYS24E323	Kiến Cao Mỹ Yến	10/04/1999	Nữ									
24	TCYS24E324	Nguyễn Thành Sơn Vũ	17/07/1995	Nam									
25	TCYS24E325	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	18/09/1990	Nữ	7.0	7.0			7.0	5.2		59	
26	TCYS24E326	Lê Thu Sang	09/07/1991	Nữ									
27	TCYS24E327	Nguyễn Thị Yến Thu	10/02/1992	Nữ									

Tổng số học sinh phải thi lại: 01

Cần Thơ, ngày 07 tháng 12 năm 2024

Giáo viên giảng dạy

(Ký và ghi rõ họ tên)


Ng. Huỳnh Phương Uyên.

ĐIỂM MÔN HỌC: GIẢI PHẪU - SINH LÝ

ĐIỂM MÔN HỌC: <u>CHÍNH TRỊ VÀ</u>													
STT	MS	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM KIỂM TRA				ĐIỂM TBKT	ĐIỂM THI		Điểm môn học	GHI CHÚ
					HỆ SỐ 1		HỆ SỐ 2			Kết thúc môn học			
					1	2	1	2		LẦN 1	LẦN 2		
1	TCYS24E301	Mai Hữu Phước	01/01/1997	Nam									
2	TCYS24E302	Trần Hà Thuận	18/08/2006	Nam	9	8			83	82		82	
3	TCYS24E303	Đinh Huỳnh Như Ngọc	08/11/2009	Nữ	8	9			87	64		73	
4	TCYS24E304	Nguyễn Thị Khánh Ly	12/09/1985	Nữ	9	9			90	87		88	
5	TCYS24E305	Trương Thị Mỹ Đức	12/12/2006	Nữ	10	9			93	81		86	
6	TCYS24E306	Mỹ Văn Mạnh	22/11/1999	Nam	7	9			83	90		87	
7	TCYS24E307	Trần Đức Dũng	06/03/2006	Nam	8	8			80	92		87	
8	TCYS24E308	Lê Thị Doanh	20/09/1998	Nữ	9	10			97	92		94	
9	TCYS24E309	Nguyễn Bạch Minh	22/04/1999	Nam	8	9			87	84		85	
10	TCYS24E310	Nguyễn Quốc Thái	09/06/1996	Nam									
11	TCYS24E311	Nguyễn Quốc Đạt	22/12/2000	Nam									
12	TCYS24E312	Trần Nhật Khang	01/01/2000	Nam									Vắng
13	TCYS24E313	Trần Thanh Nhã	25/08/2004	Nữ									Vắng
14	TCYS24E314	Nguyễn Thành Sang	12/05/2005	Nam	7	8			77	—		—	Le
15	TCYS24E315	Nguyễn Đức Duy	02/09/2001	Nam									
16	TCYS24E316	Đào Hoàng Giang	09/02/1991	Nam									Vắng
17	TCYS24E317	Lê Kiều Ni	01/01/1986	Nam									
18	TCYS24E318	Nguyễn Thị Anh Đào	08/07/1990	Nữ									
19	TCYS24E319	Hồ Lê Minh Khôi	21/12/2006	Nam									Vắng
20	TCYS24E320	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/04/1989	Nữ	9	8			83	78		80	
21	TCYS24E321	Phạm Thị Mỹ Tiêm	17/04/1985	Nữ	9	9			90	70		78	
22	TCYS24E322	Châu Thị Ngọc Thịnh	06/08/1999	Nữ									
		Nguyễn Thị Mỹ Duyên			9	8			83	58		68	

Tổng số học sinh
phải thi lại: 01

Cần Thơ, ngày 29 tháng 12 năm 2024

Giáo viên giảng dạy

Nguyễn Như Ngọc